

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 65/2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2018

SỞ TÀI CHÍNH QUẢNG BÌNH

THÔNG TƯ

Số: 11767
ĐẾN Ngày: 6.12.2018
Chuyên: NS

Quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính.
2. Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính

1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính là tập hợp các chỉ tiêu thống kê phản ánh tình hình, kết quả hoạt động chủ yếu của ngành Tài chính và các đặc điểm cơ bản của đối tượng quản lý của ngành Tài chính nhằm phục vụ công tác chỉ đạo

điều hành của ngành Tài chính và các cơ quan Nhà nước; công tác đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách phát triển các lĩnh vực quản lý của ngành Tài chính; đáp ứng nhu cầu trao đổi, chia sẻ thông tin thống kê tài chính theo quy định của Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn Luật Thống kê.

2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính bao gồm:

a) Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nội dung chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Cục Tin học và Thống kê tài chính:

a) Chủ trì tổng hợp thông tin thống kê được quy định trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính;

b) Thực hiện phổ biến thông tin thống kê tài chính theo đúng quy định tại Điều 48 của Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015 và các quy định về chế độ bảo mật thông tin của ngành Tài chính;

c) Chủ trì xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác thu thập, tổng hợp, lưu trữ, khai thác thông tin từ hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế;

đ) Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tình hình và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính.

2. Các đơn vị liên quan theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm:

a) Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính tổ chức triển khai thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu được phân công trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính theo quy định;

b) Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thu thập, tổng hợp và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các Sở, Ban, ngành địa phương cung cấp thông tin để thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê được phân công trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê

ngành Tài chính theo quy định;

c) Tổ chức thực hiện phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ thu thập, tổng hợp, lưu trữ, khai thác thông tin đối với hệ thống chỉ tiêu thống kê thuộc phạm vi quản lý của đơn vị; đảm bảo tính kết nối, liên thông, chia sẻ, tích hợp thông tin, dữ liệu với Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính, các hệ thống thông tin tác nghiệp và cơ sở dữ liệu chuyên ngành của đơn vị.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

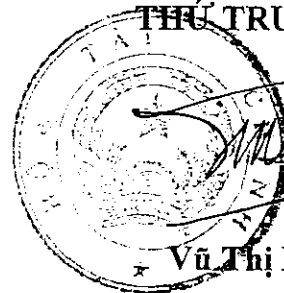
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / *ne*

Nơi nhận: *KĐ*

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Lưu: VT, THTK. (330b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai